



**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**  
**LIST OF ACCREDITED TESTS**  
**VILAS 1304**

**Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh**  
*Field of testing: Biological*

| TT | Tên sản phẩm,<br>vật liệu được thử/<br><i>Materials or<br/>product tested</i>           | Tên phép thử cụ thể/<br><i>The name of specific tests</i>                                                                                                    | Giới hạn định lượng<br>(nếu có)/ Phạm vi<br>đo<br><i>Limit of quantify (if<br/>any)/range of<br/>measurement</i> | Phương pháp thử/<br><i>Test method</i> |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1. | <b>Thủy sản và<br/>sản phẩm thủy<br/>sản</b><br><i>Fishery and<br/>fishery products</i> | Định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch<br>Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C<br><i>Enumeration of microorganisms<br/>Colony count technique at 30°C</i>            |                                                                                                                  | TCVN 4884-1:<br>2015                   |
| 2. |                                                                                         | Định lượng Coliforms<br>Kỹ thuật đếm khuẩn lạc<br><i>Enumeration of Coliforms<br/>Colony count technique</i>                                                 |                                                                                                                  | TCVN 6848:2007                         |
| 3. |                                                                                         | Định lượng <i>Escherichia coli</i><br>Phương pháp sử dụng đĩa đếm petrifilm<br><i>Enumeration of Escherichia coli<br/>Method using Petrifilm count plate</i> |                                                                                                                  | TCVN 9975:2013                         |

**Ghi chú/Note**

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia/*Vietnamese Standard*

Trường hợp Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xuất Khẩu Trung Sơn Hưng Yên cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xuất Khẩu Trung Sơn Hưng Yên phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Trung Son Hung Yen foodstuff corporation that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

*Handwritten signature*

